

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày / /2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.845.378.000	26.845.378.000	26.845.378.000	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.845.378.000	26.845.378.000	26.845.378.000	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	26.845.378.000	26.845.378.000	26.845.378.000	0	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	26.845.378.000	26.845.378.000	26.845.378.000	0	0	0
-	KP lập hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp tỉnh Gia Lai về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	26.845.378.000	26.845.378.000	26.845.378.000			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo						
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Số	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						